



Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho
kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thông tin về Công ty

**Giấy chứng nhận
Đăng ký Đầu tư**

Số 02221000075
Số 3550787247

Ngày 19 tháng 11 năm 2013
Ngày 26 tháng 4 năm 2017

Giấy chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 02221000075 được Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp lần đầu ngày 19 tháng 11 năm 2013 và có giá trị trong 45 năm. Giấy chứng nhận Đăng ký Đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh hai lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 3550787247 ngày 26 tháng 4 năm 2017.

**Giấy chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp**

Số 0201579242

Ngày 15 tháng 11 năm 2017

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải phòng cấp lần đầu ngày 28 tháng 10 năm 2014. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh ba lần và lần điều chỉnh gần đây nhất vào ngày 15 tháng 11 năm 2017.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Tiến
Ông Cáp Trọng Cường
Ông Trần Xuân Bạo
Ông Nguyễn Việt Trung
Ông Chang Cheng Yung

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Cáp Trọng Cường
Ông Nguyễn Dương Kim Khôi

Giám đốc
Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Khu Kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Phường Đông Hải 2
Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 32 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Cáp Trọng Cường
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 14 tháng 8 năm 2019



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 8 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 19-02-00155-19-1



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0306-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2019

Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3073-2019-007-1

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		210.293.247.930	168.306.296.161
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	9	14.883.873.446	1.417.757.972
Tiền	111		7.383.873.446	1.417.757.972
Các khoản tương đương tiền	112		7.500.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	10	3.300.000.000	3.300.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.300.000.000	3.300.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		105.453.067.405	77.333.403.123
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	11	100.569.034.658	69.070.403.361
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		387.947.600	2.607.296.690
Phải thu ngắn hạn khác	136	12	4.496.085.147	5.655.703.072
Hàng tồn kho	140		18.975.329.110	12.880.339.110
Hàng tồn kho	141	13	18.975.329.110	12.880.339.110
Tài sản ngắn hạn khác	150		67.680.977.969	73.374.795.956
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16(a)	10.840.616.133	22.348.131.845
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		56.840.361.836	51.018.373.820
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	18	-	8.290.291
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260)	200		998.138.574.503	1.071.991.319.099
Tài sản cố định	220		677.336.090.098	737.929.022.126
Tài sản cố định hữu hình	221	14	676.780.833.833	737.175.528.363
Nguyên giá	222		1.051.911.171.979	1.051.911.171.979
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(375.130.338.146)	(314.735.643.616)
Tài sản cố định vô hình	227	15	555.256.265	753.493.763
Nguyên giá	228		1.982.375.000	1.982.375.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.427.118.735)	(1.228.881.237)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	982.000.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	982.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		320.802.484.405	333.080.296.973
Chi phí trả trước dài hạn	261	16(b)	320.802.484.405	333.080.296.973
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.208.431.822.433	1.240.297.615.260

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		323.670.808.149	351.096.439.831
Nợ ngắn hạn	310		141.420.368.164	119.845.999.846
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	103.259.860.403	61.571.393.370
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		45.616.560	5.388.347
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	50.414.650	-
Phải trả người lao động	314		7.240.604.793	9.737.242.119
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	4.389.888.934	6.516.421.562
Phải trả ngắn hạn khác	319		156.279.400	162.075.600
Vay ngắn hạn	320	20	21.908.694.424	41.817.388.848
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	4.369.009.000	36.090.000
Nợ dài hạn	330		182.250.439.985	231.250.439.985
Vay dài hạn	338	20	182.250.439.985	231.250.439.985
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		884.761.014.284	889.201.175.429
Vốn chủ sở hữu	410	22	884.761.014.284	889.201.175.429
Vốn cổ phần	411	23	632.500.000.000	632.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		632.500.000.000	632.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(94.000.000)	(94.000.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		252.355.014.284	256.795.175.429
- Lợi nhuận lũy kế đến cuối năm trước	421a		200.195.175.429	108.546.524.002
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		52.159.838.855	148.248.651.427
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.208.431.822.433	1.240.297.615.260

Ngày 14 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Đoàn Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Cáp Trọng Cường
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	26	397.038.173.861	356.990.827.090
Giá vốn hàng bán	11		318.971.814.018	246.764.369.181
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		78.066.359.843	110.226.457.909
Doanh thu hoạt động tài chính	21		302.354.340	370.575.775
Chi phí tài chính	22	27	9.872.859.137	19.225.900.523
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		9.589.419.547	19.202.225.795
Chi phí bán hàng	25		5.320.114.950	3.976.935.600
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	11.015.901.241	10.813.994.244
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		52.159.838.855	76.580.203.317
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30)	50		52.159.838.855	76.580.203.317
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		52.159.838.855	76.580.203.317
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	785	1.211

Ngày 14 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Đoàn Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Cáp Trọng Cường
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	52.159.838.855	76.580.203.317
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	65.217.761.944	63.698.443.302
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	6.185.348	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(235.084.153)	(296.735.361)
Chi phí lãi vay	06	9.589.419.547	19.202.225.795
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	126.738.121.541	159.184.137.053
Biến động các khoản phải thu	09	(33.831.378.445)	(46.885.385.113)
Biến động hàng tồn kho	10	(5.112.990.000)	(4.799.984.600)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	39.274.887.935	(5.448.283.672)
Biến động chi phí trả trước	12	19.160.498.364	753.926.043
		146.229.139.395	102.804.409.711
Tiền lãi vay đã trả	14	(11.714.163.740)	(21.215.036.890)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.667.081.000)	(2.897.410.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	132.847.894.655	78.691.962.821
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	-	(23.185.323.938)
Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(1.000.000.000)
Tiền thu hồi từ các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	45.753.375.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	133.100.591	749.313.139
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	133.100.591	22.317.364.201

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền trả nợ gốc vay	34	(68.908.694.424)	(89.000.000.000)
Tiền trả cổ tức	36	(50.600.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(119.508.694.424)	(89.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	13.472.300.822	12.009.327.022
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ (Thuyết minh 9)	60	1.417.757.972	11.299.620.873
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(6.185.348)	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 9)	70	14.883.873.446	23.308.947.895

Ngày 14 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Đoàn Thị Thanh Thủy
 Kế toán trưởng

Người duyệt:




Cáp Trọng Cường
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Càng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Càng Xanh VIP (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty, các hoạt động chính của Công ty là bốc xếp hàng hóa và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có 158 nhân viên (1/1/2019: 160 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	8 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 8 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 8 năm
▪ dụng cụ văn phòng	5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 38 năm.

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 4 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu tiềm năng. Do đó việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Cánh Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Công ty không có các thay đổi trọng yếu trong ước tính kế toán so với các ước tính kế toán đã thực hiện trong năm gần nhất.

6. Các khoản mục bất thường

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Không có thay đổi trong cơ cấu của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Công ty gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Hoạt động bốc dỡ container;
- Hoạt động chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch;
- Hoạt động lai dắt tàu;
- Hoạt động khác;

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận bao gồm các khoản mục được tính trực tiếp cho từng bộ phận và các khoản mục chung được phân bổ cho mỗi bộ phận trên cơ sở hợp lý. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Giá chuyển giao giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như giao dịch với các bên thứ ba. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính.

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

	Hoạt động bốc dỡ container VND	Hoạt động chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch VND	Hoạt động lai dắt tàu VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tổng doanh thu của bộ phận	317.507.070.803	45.263.449.746	9.424.969.758	24.842.683.554	397.038.173.861
Kết quả kinh doanh của bộ phận					78.066.359.843
Chi phí không phân bổ					(25.906.520.988)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN					52.159.838.855
Chi tiêu vốn					-
Khấu hao tài sản cố định hữu hình					60.394.694.530
Khấu hao tài sản cố định vô hình					198.237.498

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

	Hoạt động bốc dỡ container VND	Hoạt động chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch VND	Hoạt động lai đất tàu VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tổng doanh thu của bộ phận	280.021.306.278	48.006.004.466	8.789.388.613	20.174.127.733	356.990.827.090
Kết quả kinh doanh của bộ phận					110.226.457.909
Chi phí không phân bổ					(33.646.254.592)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN					76.580.203.317
Chi tiêu vốn					23.185.323.938
Khấu hao tài sản cố định hữu hình					58.875.375.888
Khấu hao tài sản cố định vô hình					198.237.498

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

	Hoạt động bốc dỡ container VND	Hoạt động chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch VND	Hoạt động lại đất tàu VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	80.423.953.438	11.465.148.054	2.387.327.397	10.788.690.916	105.065.119.805 1.103.366.702.628
Tổng tài sản					<u>1.208.431.822.433</u>
Nợ phải trả của bộ phận Các khoản nợ không phân bổ	82.575.777.259	11.771.909.629	2.451.202.745	6.460.970.770	103.259.860.403 220.410.947.746
Tổng nợ phải trả					<u>323.670.808.149</u>

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019**

	Hoạt động bốc dỡ container VND	Hoạt động chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch VND	Hoạt động lai dắt tàu VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản của bộ phận	53.908.187.597	10.267.185.348	1.592.641.988	8.958.091.500	74.726.106.433
Tài sản không phân bổ					1.165.571.508.827
Tổng tài sản					1.240.297.615.260
Nợ phải trả của bộ phận	48.055.347.340	9.152.471.639	1.419.728.010	2.943.846.381	61.571.393.370
Các khoản nợ không phân bổ					289.525.046.461
Tổng nợ phải trả					351.096.439.831

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Công ty chỉ có một bộ phận theo vùng địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tiền mặt	2.189.150.007	78.440.395
Tiền gửi ngân hàng	5.194.723.439	1.339.317.577
Các khoản tương đương tiền	7.500.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	14.883.873.446	1.417.757.972
	<hr/>	<hr/>

10. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	30/6/2019		1/1/2019	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	3.300.000.000	(*)	3.300.000.000	(*)
	<hr/>		<hr/>	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi có kỳ hạn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	660.498.300	688.396.775
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Đại lý Vận tải Evergreen (Việt Nam)	24.488.710.550	18.438.731.795
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	4.014.901.110	576.327.675
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi Sao Xanh	116.052.750	227.181.350
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh	63.000	755.999
Bên thứ ba		
Maersk Line A/S	18.617.943.478	18.837.605.489
MCC Transport Singapore Pte., Ltd.	15.733.566.099	12.127.273.522
Yang Ming Marine Transport Corporation	13.712.835.068	3.630.887.479
Công ty TNHH OOCL Việt Nam	7.241.912.498	6.312.982.920
Công ty TNHH Tuyển Container T.S Hà Nội	-	4.580.110.516
Các khách hàng khác	15.982.551.805	3.650.149.841
	100.569.034.658	69.070.403.361

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

12. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Thanh toán hộ các hãng tàu	2.760.668.313	3.859.721.485
Phải thu bồi thường bảo hiểm	1.331.276.185	1.566.558.130
Lãi phải thu	130.345.229	28.361.667
Các khoản phải thu khác	273.795.420	201.061.790
	4.496.085.147	5.655.703.072

13. Hàng tồn kho

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
	Giá gốc	
Công cụ và dụng cụ	18.975.329.110	12.880.339.110

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	393.145.072.964	56.879.235.381	597.834.901.284	4.051.962.350	1.051.911.171.979
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	87.904.658.922	19.466.211.778	204.842.454.293	2.522.318.623	314.735.643.616
Khấu hao trong kỳ	15.076.386.684	4.658.062.668	39.802.935.372	857.309.806	60.394.694.530
Số dư cuối kỳ	102.981.045.606	24.124.274.446	244.645.389.665	3.379.628.429	375.130.338.146
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	305.240.414.042	37.413.023.603	392.992.446.991	1.529.643.727	737.175.528.363
Số dư cuối kỳ	290.164.027.358	32.754.960.935	353.189.511.619	672.333.921	676.780.833.833

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 590.484 triệu VND (1/1/2019: 717.733 triệu VND) được thế chấp tại một ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 20).

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 có các tài sản có nguyên giá 308 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2019: Không).

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	1.982.375.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	1.228.881.237
Khấu hao trong kỳ	198.237.498
Số dư cuối kỳ	1.427.118.735
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	753.493.763
Số dư cuối kỳ	555.256.265

16. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Chi phí nạo vét, duy tu khu nước trước bến	7.673.081.369	18.867.299.771
Phí bảo hiểm trả trước	891.935.749	997.168.436
Công cụ dụng cụ	2.275.599.015	2.483.663.638
	10.840.616.133	22.348.131.845

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	312.176.019.330	20.904.277.643	333.080.296.973
Tăng trong kỳ	-	2.079.000.000	2.079.000.000
Phân bổ trong kỳ	(4.624.829.916)	(9.731.982.652)	(14.356.812.568)
Số dư cuối kỳ	307.551.189.414	13.251.294.991	320.802.484.405

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Các khoản phải trả người bán

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	6.280.180.550	4.928.702.274
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Vận tải biển Ngôi sao xanh	26.370.354.233	16.915.578.381
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	18.336.165.110	9.671.619.252
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	6.043.514.001	1.049.803.904
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics xanh	901.513.201	379.241.501
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Tâm Cảng Đình Vũ	20.284.031.570	10.015.372.950
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hàng hải		
Nhạn Biển Việt Nam	6.413.653.200	2.225.288.500
Công ty TNHH Phúc Nam	4.446.628.680	11.093.364.360
Công ty TNHH Quốc tế B2B	61.435.000	117.150.000
Các nhà cung cấp khác	14.122.384.858	5.175.272.248
	103.259.860.403	61.571.393.370

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

18. Thuế và các khoản (phải thu)/phải nộp Nhà nước

	1/1/2019	Số phải nộp	Số đã bù trừ	Số đã nộp	30/6/2019
	VND	trong kỳ	trong kỳ	trong kỳ	VND
		VND	VND	VND	
Thuế giá trị gia tăng	-	17.472.236.244	(17.472.236.244)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	(8.290.291)	643.442.084	(8.290.291)	(576.446.852)	50.414.650
Các loại thuế khác	-	3.000.000	-	(3.000.000)	-
	(8.290.291)	18.118.678.328	(17.480.526.535)	(579.446.852)	50.414.650

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	3.749.463.869	5.874.208.062
Trích trước chi phí tiền điện	465.425.065	552.064.198
Trích trước chi phí khác	175.000.000	90.149.302
	4.389.888.934	6.516.421.562

20. Các khoản vay

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (*)	VND	8,6%	2025	159.341.745.562	207.341.745.562
Công ty Cổ phần Container Việt Nam (**)	VND	7,3% - 8,6%	2025	44.817.388.847	65.726.083.271
				204.159.134.409	273.067.828.833
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(21.908.694.424)	(41.817.388.848)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				182.250.439.985	231.250.439.985

(*) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Công ty có giá trị còn lại là 590.484 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (1/1/2019: 717.733 triệu VND) (Thuyết minh 14).

(**) Khoản vay dài hạn từ công ty mẹ, Công ty Cổ phần Container Việt Nam, không có tài sản đảm bảo.

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Số dư đầu kỳ	36.090.000	-
Trích lập trong kỳ	6.000.000.000	5.000.000.000
Sử dụng trong kỳ	(1.667.081.000)	(2.897.410.000)
Số dư cuối kỳ	4.369.009.000	2.102.590.000

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2018	632.500.000.000	(94.000.000)	113.546.524.002	745.952.524.002
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	76.580.203.317	76.580.203.317
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2018	632.500.000.000	(94.000.000)	185.126.727.319	817.532.727.319
Số dư tại ngày 1/1/2019	632.500.000.000	(94.000.000)	256.795.175.429	889.201.175.429
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	52.159.838.855	52.159.838.855
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	(50.600.000.000)	(50.600.000.000)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2019	632.500.000.000	(94.000.000)	252.355.014.284	884.761.014.284

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	Tại ngày 30/6/2019 và 1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	63.250.000	632.500.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	63.250.000	632.500.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	63.250.000	632.500.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

24. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 9 tháng 4 năm 2019, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 50.600 triệu VND cho năm 2018 (tương đương 8% vốn cổ phần của Công ty).

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	30/6/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	145.970	3.390.871.881	2.279	52.758.568
EUR	464	12.242.402	470	12.353.903
		3.403.114.283		65.112.471

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Dịch vụ bốc dỡ container	317.507.070.803	280.021.306.278
Dịch vụ chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch	45.263.449.746	48.006.004.466
Dịch vụ lai dắt tàu	9.424.969.758	8.789.388.613
Dịch vụ khác	24.842.683.554	20.174.127.733
	<hr/>	<hr/>
	397.038.173.861	356.990.827.090
	<hr/>	<hr/>

27. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	9.589.419.547	19.202.225.795
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	277.254.242	23.674.728
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.185.348	-
	<hr/>	<hr/>
	9.872.859.137	19.225.900.523
	<hr/>	<hr/>

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nhân công	5.363.890.000	5.589.723.462
Chi phí khấu hao	1.055.547.304	1.072.710.612
Chi phí đồ dùng văn phòng	181.930.702	260.574.904
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.690.493.494	2.705.414.009
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.724.039.741	1.185.571.257
	<hr/>	<hr/>
	11.015.901.241	10.813.994.244
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nhân công	19.405.756.700	15.824.547.362
Chi phí khấu hao và phân bổ	65.217.761.944	63.698.443.302
Chi phí dịch vụ mua ngoài	236.488.551.395	164.752.224.504
Chi phí khác	14.195.760.170	17.280.083.857

30. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	52.159.838.855	76.580.203.317
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	5.215.983.886	7.658.020.332
Chi phí không được khấu trừ thuế	7.008.250	27.600.113
Ưu đãi thuế	(5.222.992.136)	(7.685.620.445)
	-	-

(b) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong giấy chứng nhận Đăng ký Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm đầu kể từ năm đầu tiên có doanh thu (năm 2015) và mức thuế suất thông thường cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cũng cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2016 đến năm 2019) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2020 đến năm 2028).

31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông, sau khi trừ đi số ước tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, cho kỳ kế toán báo cáo là 49.659.838.855 VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: 76.580.203.317 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 63.250.000 cổ phiếu (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: 63.250.000 cổ phiếu).

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Chi tiết lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	52.159.838.855	76.580.203.317
Số ước tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.500.000.000)	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	49.659.838.855	76.580.203.317

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Các cổ đông		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam – công ty mẹ		
Cung cấp dịch vụ	4.129.391.843	1.216.545.000
Mua dịch vụ	14.104.342.126	16.965.807.894
Trả gốc vay	20.908.694.424	1.000.000.000
Chi phí lãi vay	2.303.034.288	2.746.152.637
Cổ tức đã trả	37.620.000.000	-
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Đại lý Vận tải Evergreen (Việt Nam)		
Cung cấp dịch vụ	107.549.432.639	95.428.572.569
Chi phí hoa hồng	5.320.114.950	3.976.935.600
Cổ tức đã trả	11.000.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải biển Ngôi Sao Xanh		
Mua dịch vụ	47.309.697.880	38.748.509.307
Cung cấp dịch vụ	249.483.000	275.130.000
Công ty Cổ phần Container Miền Trung		
Mua dịch vụ	149.129.091	-
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh		
Cung cấp dịch vụ	-	129.670.000
Mua dịch vụ	1.652.946.454	5.158.738.449
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ		
Cung cấp dịch vụ	4.800.490.200	3.031.380.340
Mua dịch vụ	12.121.142.916	14.293.948.066

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển xanh		
Cung cấp dịch vụ	3.136.066.500	76.370.000
Mua dịch vụ	32.349.609.631	22.558.772.709
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	1.095.034.654	442.284.901

33. Các khoản nợ tiềm ẩn

Ngày 14 tháng 9 năm 2018, Kiểm toán Nhà nước đã có kiến nghị tăng thu, giảm chi ngân sách Nhà nước từ kết quả kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công năm 2017 tại Tổng Cục Thuế và Chuyên đề công tác hoàn thuế giá trị gia tăng (“GTGT”) tại Tổng Cục Thuế và 19 tỉnh, thành phố. Theo đó, tại cuộc họp với Cục Thuế Thành phố Hải Phòng ngày 25 tháng 10 năm 2018, Công ty được thông báo phải hoàn trả lại số tiền 9.954.508.833 VND trên tổng số thuế GTGT mà Công ty đã được hoàn theo Quyết định của Cục Thuế Thành phố Hải Phòng là 31.471.502.631 VND cho giai đoạn từ tháng 9 năm 2015 đến tháng 9 năm 2016 với lý do dự án đã đi vào hoạt động, phát sinh doanh thu.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018, Công ty đã gửi Công văn số 106/CT-KT khiếu nại với các cơ quan có thẩm quyền về khoản tiền thuế GTGT nêu trên, do đây là số thuế GTGT đầu vào trong giai đoạn đầu tư số 2, từ tháng 1 năm 2016 đến tháng 11 năm 2016, ghi rõ tại giấy chứng nhận đầu tư của Công ty, và thỏa mãn điều kiện được hoàn thuế theo các quy định về thuế GTGT hiện hành.

Ngày 1 tháng 3 năm 2019, Kiểm toán Nhà nước đã có Công văn số 218/KTNN-CNII gửi Tổng Cục Thuế đề nghị Tổng Cục Thuế chỉ đạo Cục thuế Thành phố Hải Phòng kiểm tra, xác định chính xác số thuế giá trị gia tăng được hoàn để làm căn cứ truy thu số tiền thuế GTGT theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 11 tháng 4 năm 2019, Kiểm toán Nhà nước đã có công văn số 294/KTNN-CNII gửi Công ty đề nghị Công ty làm việc với Cục Thuế Thành phố Hải Phòng để giải quyết vụ việc.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty chưa ghi nhận một khoản nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho số thuế phải hoàn trả nói trên do Cục Thuế Thành phố Hải Phòng chưa tiến hành kiểm tra và có kết luận về việc hoàn trả thuế này.

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Đoàn Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Cáp Trọng Cường
Giám đốc

H
H
H

Hải Phòng, ngày 16 tháng 8 năm 2019.

Kính gửi: - **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Căn cứ vào các quy định công bố thông tin của tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (mã CK: VGR) xin giải trình về việc Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả kinh doanh sáu tháng đầu năm 2019 so với cùng kỳ năm trước có biến động từ 10% trở lên trên Báo cáo tài chính như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2019	Chênh lệch	Tỷ lệ chênh lệch (%)
1	Lợi nhuận sau thuế	76,580,203,317	52,159,838,855	(24,420,364,462)	(31.89)%

Nguyên nhân chủ yếu:

6 tháng đầu năm 2019 lượng hàng tại Cảng tiếp tục tăng cao, dẫn tới chi phí sản xuất tăng cao: chi phí thuê phương tiện thiết bị, nhân công; chi phí vận chuyển hàng, vỏ ra bãi ngoài để bảo quản nhằm giảm ùn tắc tại bãi Cảng. Các chi phí về nguyên nhiên liệu tăng, chi phí lương và nhân công; chi phí nạp vét cùng vật tư để thay thế cho phương tiện thiết bị đến kỳ đại tu... đều tăng so với cùng kỳ năm 2018.

Đây là các nguyên nhân chính dẫn tới lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2019 giảm so với 6 tháng đầu năm 2018.

Trân trọng.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận :

- Như trên
- Lưu TC-KT



GIÁM ĐỐC
Cấp Trọng Cường